

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-8-2022
V/v “Ly hôn
và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Xuân Tiến**

2. Bà **Phạm Thị Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Huỳnh Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 300/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thanh T**, sinh năm 1992; Trú tại: Số C, đường A (nói dài), phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1)**, sinh năm 1989; Trú tại: Số A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông N (N1) đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau. Bà T và ông N (N1) đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Do không còn tình cảm nên nay bà T

yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà T và ông N (N1) có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng N2, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Trịnh Thị Hồng N3, sinh ngày 03/3/2011, hiện đang sống với ông N (N1). Bà T đồng ý để ông N (N1) được nuôi 02 con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Hồ Thị Thanh T yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2022, ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) trình bày:

Ông N (N1) và bà T đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Sống chung được khoảng được 02 – 03 năm thì bà T tự bỏ đi hơn 10 năm nay do hoàn cảnh khó khăn. Thời gian sống ly thân hai bên không ai liên lạc gì với nhau. Do không còn tình cảm nên nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) đồng ý. Ông N (N1) không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà T và ông N (N1) có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng N2, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Trịnh Thị Hồng N3, sinh ngày 03/3/2011, hiện đang sống với ông N (N1). Ông N (N1) đồng ý nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông N (N1) đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N (N1). Về con chung: ông N (N1) được nuôi 02 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng N2, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Trịnh Thị Hồng N3, sinh ngày 03/3/2011, bà T không phải cấp dưỡng nuôi chung do ông N (N1) tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Thanh T và ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N (N1) là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N (N1) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2011 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với cha ruột của ông N (N1) là ông Trịnh Quốc K thể hiện: hai vợ chồng chung sống được khoảng 02 – 03 năm thì bà T tự ý bỏ đi, để con lại cho ông N (N1) nuôi từ khoảng 10 năm nay. Từ đó đến nay, cả hai không ai liên lạc gì với nhau và bà T cũng không về thăm con, hai vợ chồng không có khả năng để hàn gắn. Ông N (N1) cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà T và ông N (N1) không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông N (N1) đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N (N1) là phù hợp quy định pháp luật. Bà T, ông N (N1) tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông N (N1) có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng N2, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Trịnh Thị Hồng N3, sinh ngày 03/3/2011, hiện đang sống với ông N (N1). Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Ông N (N1) hiện có công việc và thu nhập ổn định, cả hai cháu đều sống chung với ông N (N1) từ nhỏ, vẫn được ông N (N1) chăm sóc, phát triển bình thường. Mặc khác, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 14/7/2022, cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông N (N1) nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo

việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho các cháu nên giao cháu Trịnh Thị Hồng N2 và cháu Trịnh Thị Hồng N3 cho ông N (N1) tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông N (N1) không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của ông N (N1) nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Thanh T đối với ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1). Bà Hồ Thị Thanh T được ly hôn với ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1). Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Thanh T và ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Hồ Thị Thanh T và ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng N2, sinh ngày 27/12/2008 và cháu Trịnh Thị Hồng N3, sinh ngày 03/3/2011. Bà Hồ Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trịnh Quốc N (Trịnh Quốc N1) tự nguyện không yêu cầu.

Bà Hồ Thị Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006570 ngày

22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Hồ Thị Thanh T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Thạch;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền